TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG Bản số: 25/2019/DSST- ST Ngày 21/10/2019 *"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Phương và ông Phạm Xuân Đức.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nông Đình Chiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:* Bà Lang Thị Tố - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2019/TLST-DS, ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:33/2019/QĐST-DS, ngày 03 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2019/QĐST-DS, ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam , địa chỉ: Số 02, L, Ba Đ, thành phố Hà Nội, Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Công S, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh huyện Đăk Glong, ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thế C – Chức vụ: Phụ trách phòng kinh doanh địa chỉ; Thôn 10 *(Bon R),* xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông *(có mặt.)*

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn B, chị Lục Thị N.

Cùng địa chỉ: Thôn 3 *(Bon K)*, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông *(chị Lục Thị N có mặt, anh Trịnh Văn B vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/4/2019 kèm theo tài liệu, chứng cứ vào các văn bản đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án, đại diện của nguyên đơn, anh Nguyễn Thế C trình bày:

Vào ngày 19/01/2018, anh Trịnh Văn B và chị Lục Thị N có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ, Đăk Nông *(Viết tắt là Agribank chi nhánh Đ, Đăk Nông)* với số tiền 150.000.000đ *(tại hợp đồng tín dụng số 5306LAV2018002*56*, ngày 19/01/2018*).

Đến ngày 02/8/2018 anh Trịnh Văn B và chị Lục Thị N lại tiếp tục vay số tiền 70.000.000đ *(tại hợp đồng tín dụng số 5306LAV201801532 ký kết ngày*

02/8/2018). Như vậy tính đến ngày 04/04/2019, anh Trịnh Văn B và chị Lục Thị N còn nợ Agribank chi nhánh huyện Đ, Đắk Nông số tiền: 232.992.151 đ.

Đối với hợp đồng tín dụng số 5306LAV201800256, nợ gốc: 150.000.000đ, nợ lãi: 10.601.249đ; đối với hợp đồng tín dụng số 5306LAV201801532, nợ gốc: 70.000.000đ *(đã trả tiền gốc được 1.960.000đ)* còn lại 68.040.000đ, nợ lãi: 4.350.902đ. Sau ngày 04/4/2019 Agribank chi nhánh Đ, Đăk Nông tiếp tục tính lãi, phí theo hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lục Thị N thừa nhận vợ chồng *chị (Lục Thị N và anh Trịnh Văn B)* có vay của Agibank chi nhánh huyện Đ, Đăk Nông để làm kinh tế gia dình và tiêu dùng bao gồm 02 khoản nợ; khoản thứ nhất số tiền 150.000.000đ có thế chấp sổ đỏ đất và khoản thứ 02 số tiền 70.000.000đ *(đã trả tiền gốc được 1.960.000đ*) với hình thức vay trừ lương qua tài khoản. Chị Nhung thừa nhận trách nhiệm trả nợ nhưng khai báo vì gia đình làm kinh tế gặp khó khăn nên chưa trả được nợ cho Agribank chi nhánh huyện Đ, Đăk Nông đối với anh Trịnh Văn B chồng chị hiện tại anh B đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về địa phương nên vợ chồng chị chưa thể thu xếp để trả nợ cho Ngân hàng được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Q, huyện Đ, kết quả: Anh Trịnh Văn B và chị Lục Thị N là vợ chồng có đăng ký kết hôn và cư trú tại thôn 3 *(Bon K)*, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nhưng hiện nay anh B đi làm ăn ở đâu Công an xã Q không xác định được, anh B không khai báo chính quyền địa phương. Tòa án giải quyết theo thủ tục chung, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật dối với anh B. Do anh B không có mặt tham gia phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn, anh Nguyễn Thế C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trịnh Văn B và chị Lục Thị N phải trả số tiền gốc 150.000.000đ + 68.040.000đ = 218.040.000đ, tiền lãi *(trong hạn)* 24.858.261đ và tiền lãi *(quá hạn)* 5.654.089đ *(tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/10/2019*).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ, Đăk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam khởi kiện anh B, chị N tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Lục Thị N, anh Trịnh Văn B đăng ký HKTT tại: Thôn 3 *(Bon K)*, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông phải trả nợ số tiền gốc 218.040.000đ và tiền lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo hợp đồng tín dụng đã ký

kết. Do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

[2] Về thời hiệu: Anh Trịnh Văn B, chị Lục Thị N xác lập hợp đồng tín dụng với Agribank Đ để vay số tiền 150.000.000đ với lãi suất 11%/năm, thời hạn 36 tháng và khoản vay thứ hai 70.000.000đ, lãi suất 11,5%/năm , thời hạn trả gốc là ngày 20 hằng tháng, mặc dù Agribank Đ đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng gia đình anh Biên, chị Nhung không trả nợ, do đó khởi kiện anh B, chị N tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong yêu cầu anh B, chị N trả tiền gốc và tiền lãi. Xét thấy việc khởi kiện còn thời hiệu.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ, Đăk Nông là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự và các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định, do đó cần chấp nhận và buộc anh Trịnh Văn B, chị Lục Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Đ, Đăk Nông số tiền gốc 218.040.000đ và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm *(lãi trong hạn và quá hạn 30.512.350đ).* Cụ thể:

Tiền gốc 150.000.000đ, được chia làm hai kỳ hạn:

Lãi trong hạn: Đối với số tiền vay 70.000.000đ x 640 ngày *(tính từ ngày 19/01/2018 đến ngày 20/10/2019)* x 11,5%/năm = 14.311.111đ;

Đối với số tiền vay 80.00.000đ x 640 ngày *(tính từ ngày 19/01/2018 đến ngày 20/10/2019)* x 6,0%/năm = 8.533.333đ.

Lãi quá hạn: Đối với số tiền vay 70.000.000đ x 276 ngày *(tính từ ngày 19/01/1019 đến ngày 21/10/2019)* x 5,75%/tháng = 3.085.833đ;

Đối với số tiền vay 80.00.000đ x 276 ngày *(tính từ ngày 19/01/2019 đến ngày 21/10/2019*) x 3,0%/tháng = 1.840.000đ.

(Anh Biên và chị Nhung đã trả được tiền lãi 6.460.000đ). Số tiền lãi còn lại phải trả 27.770.277 đ - 6.460.694đ = 21.309.583đ.

Đối với khoản vay trừ lương 70.000.000đ.

Tiền gốc phải trả 70.000.000đ – 1.960.000đ = 68.040.000đ.

Lãi trong hạn: 70.000.000đ x 61 ngày *(từ 02/8/2018 đến 01/10/2018)* x 11,5%/năm = 1.345.343đ *(trongđó anh Biên chị Nhung đã trả tiền lãi 1.102.740đ và tiền gốc 1.960.000đ).*

Lãi trong hạn: 68.040.000đ x 384 ngày (*(từ 02/8/2018 đến20/10/2019) x 11,5%/năm* = 8.577.251đ *(trong đó anh Biên chị Nhung đã trả tiền lãi 374.932đ).*

Lãi quá hạn 731.961đ.

Tiền lãi phải trả 10.309.212đ - 1.106.445đ = 9.202.767đ.

Quá trình giải quyết vụ án do không thể tống đạt được văn bản tố tụng cho anh Trịnh Văn B được nên tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa anh B vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Do đó việc xét xử vắng mặt đối với Trịnh Văn B theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự có căn cứ. HĐXX xét thấy cần buộc anh Trịnh Văn B và chị Lục Thị N có trách nhiệm trả tiền gốc đã vay và tiền lãi là phù hợp.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ/QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Buộc Anh Trịnh Văn B và chị Lục Thị N phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ, Đăk Nông số tiền gốc 218.040.000đ *(hai trăm mười tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)* và tiền lãi 30.512.350đ *(ba mươi triệu năm trăm mười hai nghìn ba trăm năm mươi đồng)*

Kể từ ngày 22/10/2019 anh Trịnh Văn B, chị Lục Thị N tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5306LAV201800256, ngày 19/01/2018 và hợp đồng tín dụng số 5306LAV201801532, ngày 02/8/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Anh Trịnh Văn B, chị Lục Thị N phải phải chịu 12.427.617 đ *(mười hai triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm mười bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ, Đăk Nông số tiền 5.825.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003945, ngày 02-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện hợp pháp nguyên đơn ông Nguyễn Thế C, có mặt bị đơn chị Lục Thị N, vắng mặt bị đơn anh Trịnh Văn B. Anh Nguyễn Thế C, chị Lục Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Trịnh Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được nêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Nông;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

-VKSNS huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Đỗ Văn Thành

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Nông;
-VKSNS huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **T.P CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Nông;
-VKSNS huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Thành